

Định nghĩa lại nhân dân trong hiến pháp

Tạ Dzu

Kể từ năm 1945 đến nay (2013), nhà nước Việt Nam đã đưa ra bốn bản hiến pháp khác nhau nhưng chưa bao giờ người dân được quyền tham dự vào việc quyết định sinh mệnh chính trị của mình thông qua tiến trình phúc quyết hiến pháp. Nhân dân dưới chế độ cộng sản chỉ là công cụ và phương tiện phục vụ cho ý đồ cầm quyền của đảng. Nhân dân chưa bao giờ là đối tượng phục vụ, là thực thể lẽ ra phải là chủ nhân ông đất nước, có quyền lực thực sự.

Do đó, cần phải định nghĩa và đặt lại vai trò của nhân dân trong hiến pháp.

'Dân' trong Nhân Dân

Dân, là người trong mỗi xã hội riêng biệt. Do phân bố địa lý, hoàn cảnh lịch sử và văn hoá khác biệt, người dân tại mỗi quốc gia mỗi khác nhau. Do đó, 'dân' mang tính *đa nguyên tương đối*. Muốn thế giới ổn định, phải tôn trọng tính đa nguyên của (các) dân (tộc). Chủ nghĩa cộng sản đã hoàn toàn sai lầm khi chủ trương xóa bỏ dân tộc để mơ ước tiến đến đại đồng quốc tế. Họ không nhìn ra và phá vỡ quy luật đa nguyên tương đối này. Trên bình diện quốc gia, chính quyền cũng phải tôn trọng tính đa nguyên giữa các giai tầng quốc dân. Chủ trương chỉ công nhận giai cấp công nhân hay những người được đảng cộng sản chấp nhận, cũng phá vỡ quy luật đa nguyên của dân.

Một cách thông thường, nhân dân được hiểu là tất cả mọi người dân trong một nước – toàn dân hay quốc dân. Từ điển tiếng Việt của người cộng sản định nghĩa nhân dân là "*khối người đông đảo làm nền tảng cho một nước...*", không mang ý nghĩa toàn dân. Nó là thuật ngữ mang ý nghĩa chính trị, thuộc phạm trù ý hệ Mác Lê. Nhân dân, theo những người cộng sản, không phải toàn dân mà "*... gồm các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Những tầng lớp ấy, do giai cấp công nhân lãnh đạo, cùng tham gia chính quyền...*", như Trường Chinh xác nhận trong dịp báo cáo trước Đại hội 2.

Điều này nêu lên ba quan điểm về nhân dân của người cộng sản.

Thứ nhất, theo Mao Trạch Đông, Trường Chinh cũng quy định có bốn giai cấp hợp thành nhân dân nhưng không đưa ra tiêu chuẩn ổn định để xác định giai cấp tính. Chẳng hạn thế nào là tiểu tư sản và tư sản dân tộc? Tại sao rất nhiều tư sản dân tộc theo đảng từ những ngày đầu mà bị phản bội, bị truy tố trước tòa án nhân dân hoặc bị âm thầm thủ tiêu đã man không ai biết đến? Tại sao Giang Trạch Dân lại cho phép hàng ngũ đại gia tư bản - những kẻ trên lý thuyết phải bị tiêu diệt - trở thành đảng viên theo thuyết "ba đại diện" của ông ta?

Thứ nhì, theo lý thuyết, giai cấp công nhân lãnh đạo tất cả các giai cấp khác; trên thực tế, chỉ những kẻ đại biểu mới được đứng trong hàng ngũ này. Đảng cộng sản tự phong cho mình là đại biểu của giai cấp công nhân. Mặc nhiên, chỉ có đảng mới thực sự lãnh đạo không chỉ ba giai cấp còn lại, mà cả những ai không được may mắn quy định nằm trong bốn giai cấp trên.

Thứ ba, mặc dù thông thêm câu "cùng tham gia chính quyền", nhưng đại biểu những giai cấp còn lại không thực sự có thực quyền. Những người ngoài đảng lại càng không. Điều 3 Hiến pháp 1980 định nghĩa nhân dân như sau: "*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người chủ tập thể là nhân dân lao động bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và những người lao động khác mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo*". Theo định nghĩa này thì nhân dân không phải là toàn dân. Ngay cả những người cùng một giai cấp được công nhận trước kia cũng bị phân biệt rõ rệt: Cùng là nông dân, nhưng nông dân tập thể được đứng trong hàng ngũ nhân dân; nông dân cá thể thì không. Cũng vậy, trí thức "Xã hội Chủ nghĩa" được nhìn nhận, trí thức 'suông' thì không (*).

Đầu thập niên 90, do sự lung lay tận gốc rễ của chủ nghĩa cộng sản với sự sụp đổ của các chế độ cộng sản Đông Âu và Liên Xô, Việt Nam đành phải đổi mới nội dung nhân dân nơi điều 2 Hiến pháp 1992: "*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức*".

Quy định này không còn phân biệt tính chất nông dân (cá thể và tập thể) và trí thức (XHCHN và không XHCHN) nữa. Nhưng trong điều 4 ngay sau đó, giai cấp công nhân và nhân dân lao động lại được nhấn mạnh như lực lượng chính trong nhân dân. Do đó, "nhân dân" vẫn mang tính chuyên quyết, chỉ vì quyền lợi và sự tồn tại của Đảng Cộng sản Việt Nam, không vì quyền lợi và

sự tồn tại của toàn dân. Họ luôn mập mờ trong quy định nhân dân. Khi cần, họ sẵn sàng lôi kéo những thành phần ngoài đảng, thậm chí thuộc giai cấp đối nghịch đứng chung hàng ngũ nhân dân; lúc không cần, người cộng sản sẵn sàng loại bỏ không thương tiếc (*).

Đây là cách nhìn và hành động của những nhà nước thiếu văn minh, của những chính quyền độc tài mà luôn hô hào dân chủ.

Trong một chế độ dân chủ, nhà nước, được toàn dân trao thẩm quyền điều hành các hoạt động xã hội, phải tạo điều kiện cho mỗi cá nhân, các giai tầng và xã hội dân sự phát huy hết khả năng, sinh hoạt hoà hợp nhịp nhàng, thúc đẩy cả xã hội tiến bộ và phát triển.

Vai trò của nhà nước hiện đại, theo quan niệm mới, nghiêng nhiều về quản trị và điều hành (managing) thay vì cai trị, chỉ đạo (ruling). Mọi người dân ngày càng được khuyến khích tham gia vào đời sống chính trị chung. Đây là nền dân chủ với nội dung mới - nền dân chủ toàn dân và trực tiếp (empowered, participatory democracy).

Chỉ khi nào đại diện toàn dân từ các địa phương được chính người dân cử vào cơ quan quyền lực cao nhất là quốc hội, chứ không phải bao gồm hầu như toàn bộ các đảng viên cộng sản, thông qua đầu phiếu tự do, thì tính đa nguyên của dân mới được bảo chứng. Quốc hội phải hoạt động độc lập với đảng nhằm bảo đảm tính trung thực của các quyết định do quốc hội đưa ra, liên quan tới đời sống hàng ngày của dân. Đảng phải sinh hoạt trong khuôn khổ luật pháp cho phép, quy định trong hiến pháp được toàn dân phúc quyết. Đây là điều quan trọng trong việc xác định chức năng giữa đảng và nhà nước, giữa vai trò thiết kế chính sách (*chính*)¹ của ngành lập pháp và quản trị hành chính (*trị*) của ngành hành pháp. Như vậy, lập pháp là quyền của dân, hành pháp thuộc về chính quyền, tư pháp đứng độc lập.

Quan hệ giữa nhà nước và quốc dân phải là quan hệ hỗ tương hợp tác, thông lưu trên dưới, *đối lập* mà *thống nhất*, không phải là chỉ đạo một chiều từ trên xuống. Nhân dân phải được tự do, trực tiếp tham dự vào sinh hoạt chính trị thông qua các đại diện do chính họ bầu lên, cùng nhà nước thiết kế và thực

¹ Xem thêm các khái niệm về "Chính" và "Trị" của Lý Đông A trong tài liệu Duy Dân Cơ Năng (tốc giảng), trang 8 và 10.

<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2019/01/duydanconangtocgiang-version-layouted-june2016-5.pdf>

hiện (*chấp hành*)² dân sinh, chứ không chỉ là đặc quyền của các đảng viên cộng sản, dễ trở nên lạm dụng quyền lực đi đến độc tài chuyên chế. Thực thi được điều này thì đó mới là một chính quyền văn minh, tôn trọng người dân và được toàn dân tin tưởng, kính trọng, không cần sử dụng bạo lực mà vẫn giữ được ổn định xã hội.

Dân chủ phải gắn liền với dân chứ không phải với đảng. Xây dựng hiến pháp mà không gắn với (toàn) dân khiến đảng luôn phải tìm cách đánh tráo khái niệm nhân dân.

Vào đầu tháng 10/2013, Tổng Bí thư Đảng CSVN Nguyễn Phú Trọng, trong tư cách đại biểu quốc hội đã gặp gỡ cử tri các quận Tây Hồ và Hoàn Kiếm, tuyên bố rằng dự thảo Hiến pháp được tuyệt đại đa số người dân đồng tình. Nhưng ngay sau đó, Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) tại Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng đã công bố kết quả cuộc khảo sát có tên gọi Chỉ số Công lý 2012, cho thấy 65.4% dân chúng Việt Nam không biết cũng như không tham dự vào kế hoạch sửa đổi hiến pháp. Chỉ số Công lý 2012 đã chứng minh ngược lại với những phát biểu của ông Nguyễn Phú Trọng. Không người dân nào, ngoại trừ các đảng viên Đảng CSVN, được tham gia vào tiến trình dự thảo hay phúc quyết hiến pháp. Đảng CSVN đang sửa đổi hiến pháp là nhằm biện minh cho sự cầm quyền của họ chứ không cho toàn dân.

Ngày 19 tháng 11 năm 1863, khi đến thăm mặt trận tại Gettysburg, Tổng thống Hoa Kỳ, A. Lincoln, đã tuyên bố rằng chính phủ là "của dân, do dân, vì dân". Định nghĩa này giúp người dân hiểu dễ dàng và giống nhau. Chính quyền Mỹ không cần phải quy định ai là (nhân) dân, ai không. Câu nói đơn giản đó khiến mọi người hiểu rõ ràng rằng chính quyền là do (toàn) dân lập ra, bằng bầu cử tự do, dựa vào dân và để phục vụ dân, chứ không phải để cai trị dân. Chính vì không phân biệt giai cấp, lấy toàn dân làm nền tảng và là cứu cánh, hiến pháp Hoa Kỳ cho tới nay chưa phải thay đổi, chỉ cần tu chính.

² Lý Đông A: "Chính trị là thiết kế và chấp hành nhân sinh", "Giáo dưỡn là khởi điểm và chung điểm của chính trị". Xem Nền Triết Học Chính Thống, trang 21.
<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2019/01/nentriethocchinhthong-version-layouted-dec2016-hvl-1.pdf>

'Nhân' trong Nhân Dân

Nhân, là con người trong dòng lịch sử nhân loại nói chung. Dù thuộc dân tộc nào, con người cũng là nhân. Ở đâu, có màu da nào, mang quốc tịch nào, nhân phẩm đều phải được tôn trọng như nhau, có quyền con người như nhau. '*Nhân*' mang tính *nhất nguyên tuyệt đối*.

Để công nhận một cuộc hôn nhân mới, một gia đình mới giữa hai người nam và nữ, xã hội nào cũng có nghi thức nhằm ra mắt, giới thiệu hai người với cộng đồng. Đó là tính nhất nguyên của nhân. Tổ chức đám cưới như thế nào, mời bao nhiêu người, cô dâu thay bao nhiêu chiếc áo, họ hàng và bạn bè mừng tiền mặt hay tặng phẩm cho đôi trẻ, mang tính đa nguyên, khác nhau tùy mỗi dân tộc, mỗi xã hội. '*Dân*' mang tính *đa nguyên tương đối*.

Trong tương quan giữa mình với người khác, nhân loại luôn chọn lựa cách ứng xử phù hợp với đời sống con người, phù hợp với nhân tính nhất, gọi là *nhân đạo* - đường sống, lối sống người. Dù ở chân trời góc biển nào, con người cũng hành xử như thế, cổ đại cũng như hiện đại, tuy mức độ có khác nhau tùy vào tri thức ở giai đoạn đó, nhưng luôn là lối sống tương hợp với nhân tính, dần rời xa vật tính. Dù trong nhiều thời kỳ lịch sử, con người đã (và đang) có nhiều hành động, tư tưởng xa rời nhân tính, nhân đạo, nhưng qua thời gian tiến hóa, con người lại sửa sai và trở về với nhân đạo.

Qua quá trình sống hàng ngàn năm, chục ngàn năm như thế, con người dần tìm ra bảng giá trị chung mà mọi người, mọi dân tộc đều thấy hợp lý.

Kể từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, con người thức tỉnh ra, thấy cần phải sống hoà hợp với nhau hơn thay vì gây chiến. Trong thời đại toàn cầu hoá, mỗi dân tộc lại thấy ra hai con đường sống: không chỉ đời sống quốc dân của dân tộc, mà còn có đời sống quốc tế của dân tộc nữa.

Qua giao thoa giữa các nền văn hóa, công việc làm ăn buôn bán, du lịch thăm hỏi nhau giữa người dân các quốc gia càng làm cho mọi người thấy tầm quan trọng của những giá trị chung buộc phải tôn trọng, và mới dễ tạo nên ổn định toàn cầu.

Kết

Những giá trị, luật pháp đa nguyên của *dân* càng gần với tiêu chuẩn nhất nguyên của *nhân* bao nhiêu, xã hội và thế giới càng ổn định và hoà hài bấy nhiêu, bởi nhân là gốc của dân.

Ngày nay, bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền nói về quyền con người và nền chính trị dân chủ đích thực được tham gia bởi toàn dân chứ không chỉ còn là công việc của đảng phái. Với giá trị chung đó, các chính quyền độc tài trong đó có Việt Nam và Trung Quốc đã ký vào bản Tuyên Ngôn, không thể biện luận đối trá rằng nhân quyền của chúng tôi khác với nhân quyền Tây phương, nhằm tước đoạt quyền làm người của nhân dân.

Nhà nước nào càng đi gần với bằng giá trị chung và tôn trọng người dân, xã hội của nhà nước đó càng phát triển trong hoà bình và ổn định.

Hiến pháp dựa vào toàn dân với những giá trị chung của nhân loại thì lâu bền; dựa vào đảng và những người được đảng công nhận là nhân dân sẽ sớm bị đào thải. Hành động chỉ công nhận nhân dân theo định nghĩa của đảng cộng sản còn tạo ra phân biệt đối xử, gây chia rẽ mọi tầng lớp quốc dân, không thể đưa đất nước đến phát triển và ổn định lâu dài.

Tạ Dzu

(10/2013)

(*) Trần Thanh Hiệp. *Việt Nam Trên Đường Đi Tới Tương Lai Dân Chủ Hoá*. Tủ Sách Thái Bình Dương: Paris 2012, 11-13.